

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST.

Ngày: 14-5-2018.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Ngô Bá Đức**.

+ Ông **Nguyễn Văn Hiền**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Văn Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị B** - Sinh năm: 1957, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn P** - Sinh năm: 1976, địa chỉ: khu phố S, thị trấn L, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 12 năm 2018, ông P có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị T** - Sinh năm: 1970, địa chỉ: ấp T, xã Z, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm: 1971, địa chỉ: ấp T, xã Z, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2017, lời trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị B và người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B trình bày:*** Vào ngày 06 tháng 02 âm lịch năm

2015, bà Huỳnh Thị B có cho bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn Đ vay số tiền là 64.500.000đ (sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng), với lãi suất là 1,5%/tháng. Trong tổng số 64.500.000đồng nêu trên thì có 60.000.000đồng là vay không thời hạn, 4.500.000đồng là vay có thời hạn là từ ba đến bốn ngày. Việc cho vay tiền là có làm một tờ biên nhận cùng ngày 06 tháng 02 âm lịch năm 2015. Bà Huỳnh Thị B đã nhiều lần yêu cầu bà T, ông Đ trả nợ gốc và tiền lãi nhưng đến nay bà T, ông Đ vẫn chưa trả được cho bà B khoản tiền nào. Do vậy, bà B khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới trả số nợ gốc là 64.500.000đ (sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 12 năm 2017, bị đơn là bà Đỗ Thị T trình bày:*** Bà T thừa nhận có thiếu bà B số tiền là 64.500.000đ (sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng đây không phải là khoản tiền vay mà là tiền bà T mua bò của vợ chồng bà B. Bà T có trả cho bà B được số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng) chia làm nhiều lần trả. Hiện nay, bà T, ông Đ chỉ còn thiếu lại bà B số tiền là 55.500.000đ (năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Bà T chấp nhận trả số tiền còn thiếu là 55.500.000đồng cho bà B nhưng xin trả dần hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của ông có liên quan đến vụ án.***

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng) chỉ yêu cầu bà T, ông Đ trả số tiền là 55.500.000đ (năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi vì sau khi bà B khởi kiện tại Tòa án thì bà T, ông Đ có trả được số tiền là 9.000.000đồng. Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của bà B cũng trình bày là do trước đây giữa hai bên có mua bán bò và bà T còn thiếu tiền nên vào ngày 06 tháng 02 âm lịch năm 2015 giữa bà B và bà T mới thỏa thuận với nhau số tiền 64.500.000đồng mà bà T còn thiếu sẽ chuyển thành tiền vay và bà T có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà B với mức lãi suất 1,5%/tháng việc thỏa thuận này được ghi nhận trong biên nhận lập cùng ngày.

Bị đơn là bà Đỗ Thị T giữ nguyên lời trình bày như đã nêu trên. Đồng thời, bà T còn cho rằng: vì bận công việc gia đình (giữ cháu) nên ông Đ không thể có mặt tại Tòa án được, bà và ông Đ vẫn đang là vợ chồng, không có thỏa thuận gì về việc phân chia tài sản giữa vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, việc mua bán, sử dụng số tiền nêu trên là để chăm lo cho cuộc sống của gia đình; chữ ký trong biên nhận ngày 06 tháng 02 năm 2015 âm lịch là của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của ông có liên quan đến vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Bà Huỳnh Thị B có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã Z, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo biên nhận ngày 06 tháng 02 âm lịch năm 2015 thì bà Đỗ Thị T thỏa thuận với bà B trong việc vay tài sản. Ông Nguyễn Văn Đ không trực tiếp thỏa thuận với bà B nên trong vụ kiện này xác định bà T là bị đơn, ông Nguyễn Văn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đồng thời ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B và bà Đỗ Thị T thống nhất được với nhau số tiền 64.500.000đồng mà bà T thiếu của bà B có nguồn gốc từ việc mua bán bò giữa hai bên và sau đó bà B với bà T mới thỏa thuận với nhau chuyển số tiền trên thành tiền vay. Tại tờ Biên nhận lập ngày 06 tháng 02 âm lịch năm 2015 có chữ ký của bà Đỗ Thị T (bà T thừa nhận đây là chữ ký của bà) có nội dung là bà T có vay của bà B tổng cộng là 64.500.000đ (sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng), không có nội dung về thỏa thuận lãi suất như bà B, người đại diện theo ủy quyền của bà B trình bày. Như vậy, việc bà B kiện bà T, ông Đ về vay tài sản là có căn cứ.

[5] Bà Đỗ Thị T cho rằng bà có trả cho bà B số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng) chỉ còn thiếu lại 55.500.000đ (năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà B thống nhất với lời trình bày này của bà Đỗ Thị T. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định được cho đến thời điểm hiện nay bà T còn thiếu bà B số tiền là 55.500.000đ (năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông Đ nên bà T, ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ này cho bà B.

[6] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng) nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

[7] Bà Huỳnh Thị B không yêu cầu về tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà Huỳnh Thị B được chấp nhận nên bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho bà B. Cụ thể được tính như sau:  $55.500.000\text{đồng} \times 5\% = 2.775.000\text{đ}$  (hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 217, 357, 466, 468, của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

**1/ Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B đối với số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng).**

**2/ Buộc bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền là 55.500.000đ (năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).**

**3/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Huỳnh Thị B có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn Đ chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.**

**4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:**

**4.1) Bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.612.500đ (một triệu sáu trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013558 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.**

**4.2) Bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới nộp 2.775.000đ (hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.**

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Huỳnh Thị B, bà Đỗ Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng ngày kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Nguyên**